

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày 25 – 01 – 2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Hoàng Sơn.

2. Ông Võ Thanh Liêm.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Bích Như – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 641/2020/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 975/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1976; Địa chỉ: ấp 6, xã An X, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tấn A, sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp 2, xã An X, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, chị Trần Thị T và anh Nguyễn Tấn A chung sống với nhau vào năm 1994, không có đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức cưới gả theo phong tục. Quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến khoảng từ năm 2017 đến nay giữa anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T trình bày là do anh A thường hay uống rượu, không lo làm ăn, không quan tâm lo lắng gì đến gia đình và còn ghe tuồng vô cớ nên vợ chồng thường hay cãi vã với nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện chị và anh A đã sống ly thân khoảng một năm nay. Nay chị T xác định không còn có tình cảm gì với anh A nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung là Nguyễn Thị Huỳnh Như, sinh năm 1998; Nguyễn Thị Quỳnh Thắm, sinh năm 1999 và Nguyễn Chí Cường, sinh năm 2000. Hiện đã trưởng thành, tự nuôi sống được nên khi ly hôn, chị T không đặt ra yêu cầu gì về con.

Về tài sản chung và nợ chung, chị T khai không có.

Đối với anh Nguyễn Tấn A, tuy đã được Thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng anh không đến Toà, cũng không gửi văn bản đề nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T nên Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, anh Nguyễn Tấn A đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh A.

[2] Về hôn nhân, chị Trần Thị T và anh Nguyễn Tấn A chung sống với nhau từ năm 1994 đến nay tuy đủ điều kiện kết hôn nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn theo luật định nên căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì việc kết hôn trên không được đăng ký theo quy định là không có giá trị pháp lý. Mặc dù, anh A không trực tiếp đến Tòa cũng không gửi ý kiến bằng văn bản để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng do hôn nhân giữa anh, chị có vi phạm về mặt hình thức nên quan hệ hôn nhân trên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung là Nguyễn Thị Huỳnh Như, sinh năm 1998; Nguyễn Thị Quỳnh Thắm, sinh năm 1999 và Nguyễn Chí Cường, sinh năm 2000. Hiện đã thành niên, tự nuôi sống bản thân được. Vì vậy, chị T không đặt ra yêu cầu gì về con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, chị T khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, chị T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân, không công nhận vợ chồng giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Tấn A.

- Về con chung là Nguyễn Thị Huỳnh Như, sinh năm 1998; Nguyễn Thị Quỳnh Thắm, sinh năm 1999 và Nguyễn Chí Cường, sinh năm 2000. Hiện các con đã thành niên và có khả năng tự lao động kiếm sống được nên khi ly hôn, chị Trần Thị T không đặt ra yêu cầu gì về con nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung, chị Trần Thị T khai không có, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, chị Trần Thị T phải chịu số tiền 300.000đ. Ngày 30/11/2020, chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0000274 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lâm Hoài Ân